

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DSPT
Ngày 18 tháng 01 năm 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2017/TLPT - DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H (Trương Minh HH); sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1978; địa chỉ: số 673/8, đường L, khóm E, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018) và bà Đặng Thị Đ; sinh năm 1954; địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2015). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị X; sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Thái Văn C1, sinh năm 1964 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn C1:

Bà Đặng Thị X; sinh năm 1969

Anh Thái Thanh L1; sinh năm 1996

Anh Thái Thanh T2; sinh năm 1999

Em Thái Thanh T3; sinh năm 2007

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Thái Văn C1: anh Thái Thanh L1 và anh Thái Thanh T2 là bà Đặng Thị X. (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2017).

Người đại diện theo pháp luật của em Thiết: bà Đặng Thị X (mẹ ruột).

+ Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T4 là bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978 (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018)

Địa chỉ: Số 673/8, đường L, khóm E, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Bùi Thị T5, sinh năm 1971

+ Ông Đặng Văn T6, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Văn T6 là bà Lâm Thị B1; sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp P, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2017).

+ Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Ấp N, xã C2, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu

+ Ngân hàng W. Địa chỉ trụ sở: Số 0, Đ2, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm LL – Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng W chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Ấp X, thị trấn C3, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Văn H, sinh năm 1978

(Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu T, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị X và bà Dương Thị B2 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Trương Minh H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà Phạm Thị T4 là bà Nguyễn Thị Thu T, bà Đặng Thị Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất trình bày nội dung sau:

Bà Đặng Thị Đ là mẹ ông H. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà Đ là ông Đặng Văn N và bà Lâm Thị H1. Năm 1982, Nhà nước có lệnh trang trải đất đai, do bà H1 và ông N sở hữu đất vượt quy định nên Nhà nước lấy đất của ông N, bà H chia cho bà Đ. Tổng cộng chia cho bà phần đất có diện tích là 12.560m² (năm 1973 cha mẹ bà cho 03 công tầm cây và đất Nhà nước trang trải cho bà là 9.560m²). Năm 1984, bà Đ về ấp A, xã B sinh sống nên Ủy ban nhân dân xã H cho rằng bà xâm canh nên đã lấy toàn bộ phần diện tích đất 12.560m² của bà Điều giao lại cho ông Lâm Văn V1 (cán bộ tài chính ấp) sử dụng. Đến năm 1989, Nhà nước trả lại đất cho bà Đ canh tác. Năm 1996, bà Đ cho con là ông Trương Văn H và ngày 18/5/1996 Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H (đất tại thửa 244, tờ bản đồ số 11 với diện tích 12.560m²). Phần đất đang tranh chấp hiện do bà X quản lý và đã cho ông Đặng Văn T6 thuê sử dụng để trồng lúa. Vào năm 2005, vì sức ép của gia đình nên bà Đ tạm giao phần đất 04 công tầm cây (loại đất trồng lúa) cho bà H1 canh tác, sau đó bà H1 cầm cố phần đất trên cho ông Lâm Văn H2, năm 2005 bà Xiêm chuộc lại nên bà Xiêm sử dụng và cho ông T6 thuê lại.

Từ khi bà X quản lý phần đất này thì các bên liên tiếp xảy ra tranh chấp nhưng chưa được giải quyết cho đến nay, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp này thì ông H mới biết ông T6, bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trương Văn H vào ngày 18/5/1996, đất tại thửa 224, tờ bản đồ số 11, với diện tích 12.560m² thì ông H đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng W - chi nhánh huyện V. Nay, ông H yêu cầu bà X trả lại cho ông H phần diện tích đất 5.200m², yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị X (được cấp ngày 17/3/2009, đất tại thửa 574, một phần thửa 575, tờ bản đồ số 07) và yêu cầu bà X bồi thường 880 gia lúa Tài nguyên do bà X đã canh tác phần đất này từ năm 2005 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị X và là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn C1 là anh Thái Thanh L1, Thái Thanh T2 và Thái Thanh T3; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T6 có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Thị B1; bà Bùi Thị T5 thống nhất trình bày nội dung sau:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông T6, bà X là ông Đặng Văn N và bà Lâm Thị H1. Năm 1998, cha mẹ ông bà cho ông T6 đứng tên toàn bộ phần đất của gia đình để thuận tiện vay tiền tại Ngân hàng, trong đó có phần đất đang tranh chấp. Trước đây, bà H1 có cố đất cho ông Lâm Văn H2 (cậu ruột của ông T6), do không có khả năng chuộc đất, vào năm 1999 bà X đứng ra chuộc đất với giá 210 gia lúa nên bà H1 giao lại 03 công đất trên cho bà X quản lý, tiếp đến bà H1 lại chuyển nhượng cho bà X trên 03 công đất. Đến năm 2009 thì ông T6 tách bằng khoán đất ra cho bà X làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm Nhà nước có chính sách trang trải ruộng đất thì bà H1 có cho bà Đ mượn 04 công

đất, 02 năm sau thì mẹ ông lấy lại sử dụng. Từ năm 2000 thì ông T6 thuê phần đất 7,5 công của bà X để canh tác cho đến nay, giá thuê đất là 112 gia/năm. Bà X, ông T6 không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H, trường hợp nếu đất đang tranh chấp là của ông H thì ông T6 sẽ giao đất lại cho ông H, còn nếu đất là của bà X thì ông sẽ tiếp tục thuê để sử dụng

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V trình bày nội dung sau: Theo bản trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, đất tranh chấp thuộc thửa 574 và một phần thửa số 575, tờ bản đồ số 07, diện tích qua đo đạc thực tế là 5.200m². Phần đất này trước đây do ông T6 đứng tên trên sổ mục kê năm 1997, đến năm 2001 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tổng diện tích đất của hai thửa số 574 và 575 là 9.321m²). Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 đúng theo quy định pháp luật và từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 thì không ai khiếu nại. Từ đó, Ủy ban nhân dân huyện V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ngân hàng W (Chi nhánh huyện V) trình bày: Ngày 10/9/2002, ông Trương Văn H (Trương Minh H) có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng W chi nhánh huyện V với số tiền 9.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 10/9/2003. Khi vay vốn không có tài sản gì bảo đảm, Ngân hàng có quản lý một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tắc đất – tắc vàng) do ông H đứng tên (đất tại thửa 224, tờ bản đồ số 14 với diện tích 12.560m², được cấp năm 1996). Hiện nay ông H còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 9.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 18.720.800 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả tiền nợ Ngân hàng, kết thúc hợp đồng do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 5.200m², tại thửa 574 và một phần thửa 575, tờ bản đồ số 07 do bà Đặng Thị X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 17/3/2009. (Có tuyên tứ cạnh).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 119214, tại các thửa 574 và 575, tờ bản đồ số 07, diện tích 9.321m² được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 17/3/2009.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X yêu cầu trả tiền thuê đất từ năm 2005 đến nay với số lúa 880 gia lúa Tài Nguyên.

4. Buộc ông Trương Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng W chi nhánh huyện V số tiền tạm tính đến ngày 08/3/2017 là 27.497.300 đồng, trong đó

tiền gốc là 9.000.000 đồng, tiền lãi là 18.497.300 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 09/3/2017 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, áp dụng Điều 2, 6, 7, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn ông Trương Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Làm rõ nội dung Công văn số 413/UBND-NC ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V, yêu cầu bà X trả lại diện tích đất 5.200m² đất tại thửa 574 và một phần thửa 575, tờ bản đồ số 07 do bà X đứng tên quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 119214 tại thửa 574 và một phần thửa 575 và buộc bà X phải trả 880 gia lúa thuê loại lúa Tài Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Trương Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu về án phí, cụ thể là đối trừ thêm 3.000.000 đồng mà anh H đã nộp nhưng Tòa án sơ thẩm chưa đối trừ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trương Văn H về việc yêu cầu bà X trả lại cho ông diện tích đất 5.200m² tại ấp A, xã H3, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên thống nhất xác định nguồn gốc đất là của ông N, bà H1 (cha, mẹ của bà X, bà Đ và ông T6). Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Đ cho rằng đất tranh chấp là do vào thời điểm Nhà nước trang trải ruộng đất thì lấy phần đất dư của cha, mẹ bà cho bà sử dụng và bà có trả hoa lợi cho mẹ bà để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà đã cho con bà là ông H, ông H cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này năm 1996. Nhưng bà Đ không cung cấp được giấy tờ gì thể hiện Nhà nước có trang trải phần đất tranh chấp (từ bà H1) cho bà sử dụng cũng như việc bà có trả hoa lợi cho bà H1 để được cấp giấy. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì bà Đ xác định có cho bà H1 thuê đất từ năm 1993 nhưng bà Đ không đưa ra được chứng cứ cho việc có cho bà H1 thuê đất trong khi phía ông T6, bà X không thừa nhận bà H1 có thuê đất của bà Đ. Tại phiên tòa hôm nay, bà X và bà B1 xác định đất tranh chấp bà H1 quản lý từ xưa cho đến năm 1999 thì bà H1 giao đất lại cho bà X quản lý, sử dụng. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ cũng xác định cha, mẹ bà có cho bà phần diện tích đất

12.560m² (trong đó có phần đất tranh chấp), năm 1996 thì bà Đ cho ông H phần đất này. Như vậy, bà Đ đã thừa nhận phần đất tranh chấp trước đó là do cha, mẹ bà cho bà nhưng khi còn sống thì bà H1 không thừa nhận việc có tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp cho bà Đ. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2005 (tại Ủy ban nhân dân xã H3) ông H đã biết phần đất đang tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 và tại buổi hòa giải thì ông H cũng đồng ý giao phần đất tranh chấp cho ông T6, bà H1 sử dụng không tranh chấp nữa và bà Đ, ông H cũng đã ký tên xác nhận nội dung trên; bà Đ, ông H không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 đối với phần đất tranh chấp và đồng ý giao cho bà H1, ông T6 sử dụng phần đất đang tranh chấp.

[4] Bên cạnh đó, tại Công văn số 413/UBND-NC ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V (BL 196) xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H năm 1996 chỉ là loại giấy tạm thời (đất tại thửa 224, tờ bản đồ số 11, diện tích 12.560m²), đến năm 2001 khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 6.935, đất tại thửa 573, tờ bản đồ số 07 (ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông năm 1996) nhưng ông H không khiếu nại gì về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào năm 2001. Mặt khác, theo lời trình bày của ông Trịnh Văn H4 (cán bộ địa chính xã H3 thời điểm trước) xác định vào thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thì diện tích đất được cấp đúng với việc ông H kê khai. Đồng thời, thực tế khi ông H vay vốn tại Ngân hàng W – Chi nhánh huyện V thì ngân hàng có giữ giấy “Tắc đất tắc vàng” của ông H nhưng hợp đồng vay được ký kết giữa ông H với ngân hàng là hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm, chỉ giữ giấy này để làm cơ sở vay tín chấp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông H đòi bà X trả phần diện tích đất 5.200m² là có căn cứ.

[5] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà X (đất tại thửa 574, 575, tờ bản đồ số 07, với diện tích 9.321m²) và yêu cầu bà X trả với số lúa cho thuê đất với giá 880 gia lúa Tài Nguyên. Như đã phân tích, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H về việc đòi bà X trả lại đất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị X và việc yêu cầu bà X trả số lúa thuê đất với giá 880 gia lúa Tài Nguyên.

[6] Đối với nội dung yêu cầu Tòa án làm rõ nội dung Công văn số 413/UBND-NC ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V. Xét thấy: Công văn số 413/UBND-NC ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V là để trả lời Công văn của Tòa án, làm rõ một số nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án, đó là một trong những biện pháp để Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông H Tòa án cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H đối với nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 08/02/2017, bà Đ có nộp thay cho ông H tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung là 3.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trừ số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H đã dự nộp là thiệt thòi quyền lợi của ông H. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung án phí, ông H khi thực hiện nghĩa vụ nộp tiền án phí thì được trừ thêm số tiền 3.000.000 đồng.

[8] Đối với nội dung cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng W - Chi nhánh huyện V với số tiền 27.497.300 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự, trong trường hợp này Ngân hàng chưa làm đơn yêu cầu độc lập mà Tòa án đã giải quyết yêu cầu đòi ông H trả nợ vay của Ngân hàng là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, xét thấy trên thực tế thì ông H có ký kết hợp đồng vay tiền và có nợ theo như yêu cầu nêu trên của Ngân hàng là có căn cứ và về phía ông H cũng đồng ý về nội dung này, không có kháng cáo. Do đó, cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm nội dung này.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu về phần án phí.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 và khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 28, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 5.200m², tại thửa 574 và một phần thửa 575, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp A, xã H3, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; do bà Đặng Thị X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 17/3/2009. Vị trí và số đo cụ thể:

Hướng Đông: Giáp với phần đất ông Phan Ngọc T7 đang quản lý, sử dụng có số đo 96,8m; 27m

Hướng Tây: Giáp với phần đất ông Ngô Văn Đ1 và ông Ngô Văn T8 đang quản lý, sử dụng có số đo 95,6m; 27m

Hướng Nam: Giáp với phần đất bà Đặng Thị X đang quản lý, sử dụng không tranh chấp có số đo 42m

Hướng Bắc: Giáp với phần đất ông Trương Văn H đang quản lý, sử dụng không tranh chấp có số đo 42m

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 119214, tại các thửa 574 và 575, tờ bản đồ số 07, diện tích 9.321m² được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 17/3/2009.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H đối với bà Đặng Thị X yêu cầu trả tiền thuê đất từ năm 2005 đến nay bằng 880 gia lúa Tài Nguyên.

4. Buộc ông Trương Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng W chi nhánh huyện V số tiền tạm tính đến ngày 08/3/2017 là 27.497.300 đồng, trong đó tiền gốc là 9.000.000 đồng, tiền lãi là 18.497.300 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 09/3/2017 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Chi phí đo đạc, định giá đất 2.600.000 đồng, ông Trương Văn H phải chịu, ông H đã dự nộp xong.

6. Về án phí: Án phí sơ thẩm ông Trương Văn H phải chịu 9.722.865 đồng. Ông đã dự nộp 4.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 002728 ngày 10/5/2016 và dự nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009004 ngày 08/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông Hà còn phải nộp thêm số tiền 2.722.865 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí phúc thẩm ông Trương Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004572 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V (kèm theo hồ sơ);
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang